

NGHIÊN CỨU SỰ THAY ĐỔI MỘT SỐ CHỈ SỐ VỀ MẮT TRƯỚC VÀ SAU PHẪU THUẬT PHACO ĐIỀU TRỊ ĐỤC THỂ THỦY TINH GIÀ TẠI BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HUẾ

Phan Thị Diệu Trâm¹, Phan Văn Năm²

(1) Nghiên cứu sinh Trường Đại học Y Dược Huế - Đại học Huế

(2) Trường Đại học Y Dược Huế

Tóm tắt

Đặt vấn đề: Phaco là phương pháp điều trị đục thể thủy tinh được áp dụng rộng rãi và luôn là lựa chọn đầu tiên của bác sĩ nhãn khoa. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu sự thay đổi một số chỉ số của 49 mắt mổ đục thể thủy tinh (TTT) bằng phẫu thuật (PT) Phaco phối hợp đặt thể thủy tinh nhân tạo tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế từ tháng 5/2013 đến tháng 4/2014 với thời gian theo dõi sau phẫu thuật 3 tháng. **Kết quả:** Sau phẫu thuật 3 tháng thị lực chưa chỉnh kính $\geq 4/10$ chiếm 75,5%, thị lực đã chỉnh kính $\geq 4/10$ chiếm 95,9%. Độ loạn thị trung bình sau PT 3 tháng là $1,02D \pm 0,58$, ổn định và không thay đổi nhiều so với trước PT. Nhãn áp trung bình sau phẫu thuật 3 tháng là $10,51\text{mmHg} \pm 1,77$, hạ được $3,9\text{mmHg}$ so với trước phẫu thuật. Độ sâu tiền phòng tăng $1,0\text{mm}$ so với trước PT. Công suất khúc xạ giác mạc (CSKXGM) tăng $0,43D$, bán kính độ cong giác mạc (BKĐCGM) giảm $0,11\text{mm}$.

Từ khóa: Đục thể thủy tinh, phẫu thuật Phaco.

Abstract

CHANGES OF SOME INDICATORS OF EYES BEFORE AND AFTER SURGICAL TREATMENT IN PHACO CATARACT SENIORS IN HUE UNIVERSITY HOSPITAL

Phan Thi Dieu Tram¹, Phan Van Nam²

(1) PhD student, Hue University of Medicine and Pharmacy – Hue University

(2) Hue University of Medicine and Pharmacy

Objective: Phacoemulsification cataract surgery is the method applied commonly and the first choice of Ophthalmologist. **Materials and Method:** We study comprised 49 eyes of 42 cataract patients for Phacoemulsification at Hue University Hospital from 5/2013 to 4/2014 with within 3 months after surgery. **Result:** 3 months after surgery, the visual acuity $\leq 4/10$ accounted for 75.5%, corrected vision $\geq 4/10$ accounted for 95.9%. The mean postoperative astigmatism was $1.02D \pm 0.58$, stable and does not change much compared to before surgery. The mean intraocular pressure (IOP) increased to $10.51\text{mmHg} \pm 1.77$ at 3 months postoperatively, the IOP was 3.9mmHg lower at 3 months than preoperative. Anterior chamber depth (ACD) increased by 1.0mm deeper than before surgery. Corneal refractive power increased $0.43D$. Corneal radius of curvature decreased 0.11mm by 3 month postoperatively.

Key words: Cataract, Phacoemulsification.

- Địa chỉ liên hệ: Phan Văn Năm, email: drnamhue@gmail.com

DOI: 10.34071/jmp.2014.6.11

- Ngày nhận bài: 29/8/2014 * Ngày đồng ý đăng: 27/12/2014 * Ngày xuất bản: 10/1/2015

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đục thể thủy tinh là nguyên nhân gây mù hàng đầu trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Phương pháp Phaco được áp dụng ở Việt Nam từ năm 1995 và được phát triển rộng rãi và luôn là lựa chọn đầu tiên của bác sĩ nhãn khoa trong điều trị đục TTT do ưu thế vượt trội của nó.

Kết quả phẫu thuật đục TTT phụ thuộc vào sự chính xác của công suất kính nội nhãn cũng như việc đo các chỉ số như CSKXGM, BKĐCGM, chiều dài trục nhãn cầu... Và các chỉ số đó chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như phương tiện, kỹ thuật đo đạc, sự hợp tác của bệnh nhân, quá trình phẫu thuật. Tất cả sự thay đổi đó không những ảnh hưởng kết quả phẫu thuật mà còn làm thay đổi một số chỉ số sinh học của mắt.

Chính vì vậy chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài này nhằm 2 mục tiêu:

1. Khảo sát đặc điểm lâm sàng đục thể thủy tinh già.

2. Nghiên cứu sự biến đổi các chỉ số về mắt sau phẫu thuật đục thể thủy tinh già bằng phương pháp Phaco và một số yếu tố liên quan.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

49 mắt của 42 bệnh nhân (24 nữ và 18 nam) đục thể thủy tinh già được phẫu thuật Phaco tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế từ tháng 5/2013 đến tháng 4/2014.

Tiêu chuẩn lựa chọn: Bệnh nhân ≥ 50 tuổi,

đục thể thủy tinh già có thị lực $\leq 3/10$, nhãn áp $\leq 21\text{mmHg}$.

Tiêu chuẩn loại trừ: Có bệnh lý khác của mắt kèm theo có thể ảnh hưởng đến các chỉ số của mắt khi đo. Bệnh lý làm yếu dây chằng Zinn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp mô tả, tiến cứu, can thiệp lâm sàng, không đối chứng.

Khám lâm sàng để có chỉ định trước phẫu thuật. Phân độ cứng nhân theo Buratto (1996) gồm 5 mức độ từ I đến V. Phân loại hình thái đục gồm đục nhân, đục dưới bao sau, đục vỏ, đục toàn bộ. Đo các chỉ số trước phẫu thuật, sau phẫu thuật 1 ngày, 1 tuần, 1 tháng, 3 tháng.

3. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

3.1. Đặc điểm bệnh nhân trong nhóm nghiên cứu

- Tuổi trung bình: $72,98 \pm 9,49$.
- Giới: nam 18 bệnh nhân: 42,9%, nữ 24 bệnh nhân: 57,1%.
- Trục nhãn cầu trung bình: $22,70\text{mm} \pm 0,89$.
- Công suất TTT nhân tạo trung bình: $21,74\text{D} \pm 1,91$.
- Hình thái đục: đục nhân chiếm tỷ lệ cao nhất: 49%.
- Độ cứng nhân: nhân cứng độ III chiếm tỷ lệ cao nhất: 55,1%.

3.2. Một số chỉ số sinh học

3.2.1. Thị lực

- Thị lực sau phẫu thuật 3 tháng:

Bảng 3.1. Thị lực không kính và có kính sau phẫu thuật 3 tháng

Thị lực	$\leq 3/10$		4/10 – 7/10		$\geq 8/10$	
	KK	CK	KK	CK	KK	CK
n	12	2	28	14	9	33
%	24,5	4,1	57,1	28,6	18,4	67,3

Sau phẫu thuật Phaco phối hợp đặt TTT nhân tạo cho thị lực cao, ổn định sau 3 tháng phẫu thuật.

Sau phẫu thuật 3 tháng, thị lực không kính $\geq 4/10$ chiếm tỷ lệ: 75,5%, trong đó 4/10 – 7/10 chiếm tỷ lệ cao nhất: 57,1%. Thị lực có kính $\geq$

4/10 chiếm tỷ lệ: 95,9%, trong đó nhóm $\geq 8/10$ chiếm tỷ lệ cao nhất: 67,3%.

Kết quả nghiên cứu của nhiều tác giả trên bệnh đục thể thủy tinh già cũng cho thấy thị lực không kính cao sau phẫu thuật 3 tháng:

Bảng 3.2. Kết quả thị lực không kính của các tác giả

Tác giả	Năm	n	Thị lực KK	Tỷ lệ (%)
Trần Văn Kết [1]	2004	51	$\geq 4/10$	86,3
Phan Thị Anh Mai [2]	2009	60	$\geq 5/10$	88,33
Kết quả nghiên cứu	2014	49	$\geq 4/10$	75,5

3.2.2. Độ loạn thị

Bảng 3.3. Độ loạn thị trước và sau phẫu thuật 3 tháng

Loạn thị (D)	$\leq 0,5$	0,75-1,0	1,25-1,5	1,75-2,0	2,25-2,5	2,75-3,0	$> 3,0$
n	13	16	18	1	0	0	1
%	26,5	32,7	36,8	2,0	0	0	2,0

Độ loạn thị sau phẫu thuật 3 tháng gần như ổn định và không thay đổi nhiều so với trước phẫu thuật.

Độ loạn thị trung bình: $1,02D \pm 0,58$, loạn thị $\leq 1,5 D$ chiếm tỷ lệ 96%

Kết quả của các tác giả khác:

Bảng 3.4. Độ loạn thị $\leq 1,5D$ sau phẫu thuật 3 tháng của các tác giả

Tác giả	Năm	n	Tỷ lệ (%)
Huỳnh Thị Xuân Như [3]	2006	96	82,3
Phan Thị Anh Mai [2]	2009	60	78,34
Kết quả nghiên cứu	2014	49	95,9

3.3. Một số chỉ số khác:

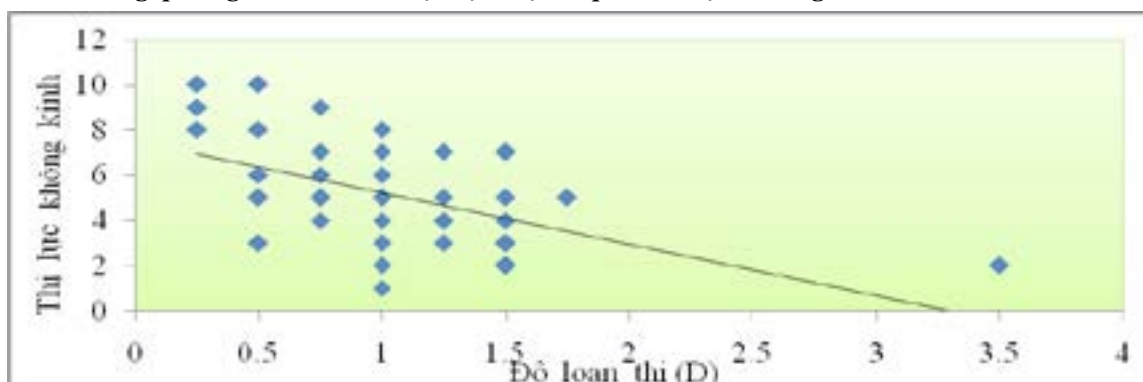
Bảng 3.5. Sự thay đổi một số chỉ số sau phẫu thuật 3 tháng

Các chỉ số	Trước PT	Sau PT 3 tháng	Mean	p
Nhãn áp	14,41	10,51	$\downarrow 3,9\text{mm}$	$< 0,05$
Công suất khúc xạ giác mạc	$46,24 \pm 1,59$	$46,67 \pm 1,57$	$\uparrow 0,43D$	
Bán kính độ cong giác mạc	$7,29 \pm 0,26$	$7,18 \pm 0,27$	$\downarrow 0,11\text{mm}$	
Độ sâu tiền phòng	$2,72 \pm 0,42$	$3,72 \pm 0,38$	$\uparrow 1,0\text{mm}$	

Sau phẫu thuật 3 tháng, nhãn áp, công suất khúc xạ giác mạc, bán kính độ cong giác mạc, độ sâu tiền phòng đều được ổn định và thay đổi so với trước phẫu thuật có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

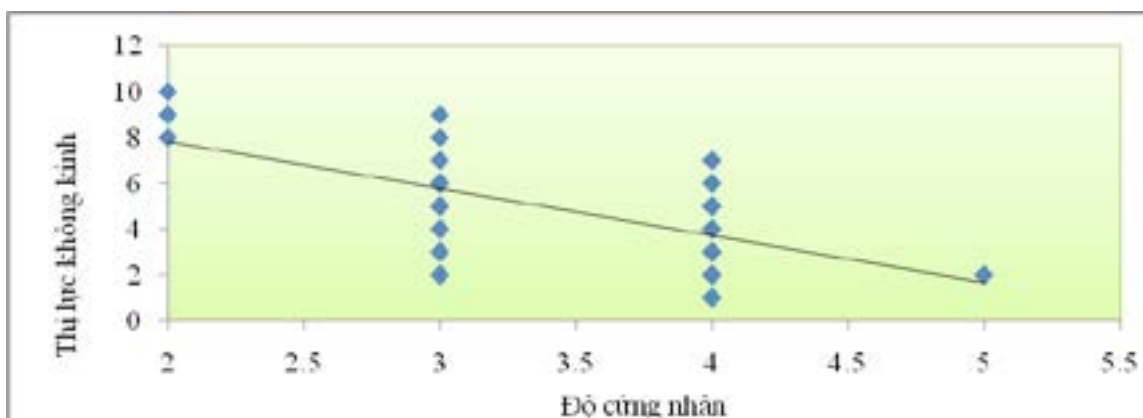
3.4. Một số tương quan của các chỉ số

3.4.1. Tương quan giữa TLKK và độ loạn thị sau phẫu thuật 1 tháng

**Biểu đồ 3.1.** Tương quan giữa TLKK và độ loạn thị sau PT 1 tháng

Với $p < 0,05$, $r = -0,550$, $n = 49$. Phương trình tương quan tuyến tính hồi quy: $y = 0,748 - 0,227x$. Sau phẫu thuật 1 tháng, thị lực không kính có tương quan nghịch chiều với độ loạn thị.

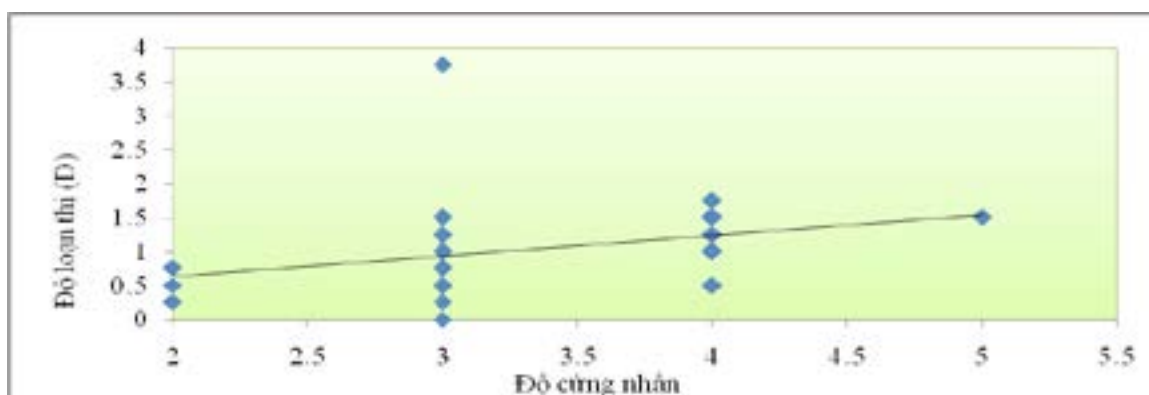
3.4.2. Tương quan giữa TLKK sau phẫu thuật 3 tháng và độ cứng nhãn



Biểu đồ 3.2. Tương quan giữa TLKK sau phẫu thuật 3 tháng và độ cứng nhãn

Với $n = 49$; $r = -0,609$; $p < 0,01$. Phương trình tương quan tuyến tính hồi quy: $y = 1,206 - 0,207x$. Thị lực không kính sau phẫu thuật 3 tháng có mối tương quan nghịch chiều với độ cứng nhãn.

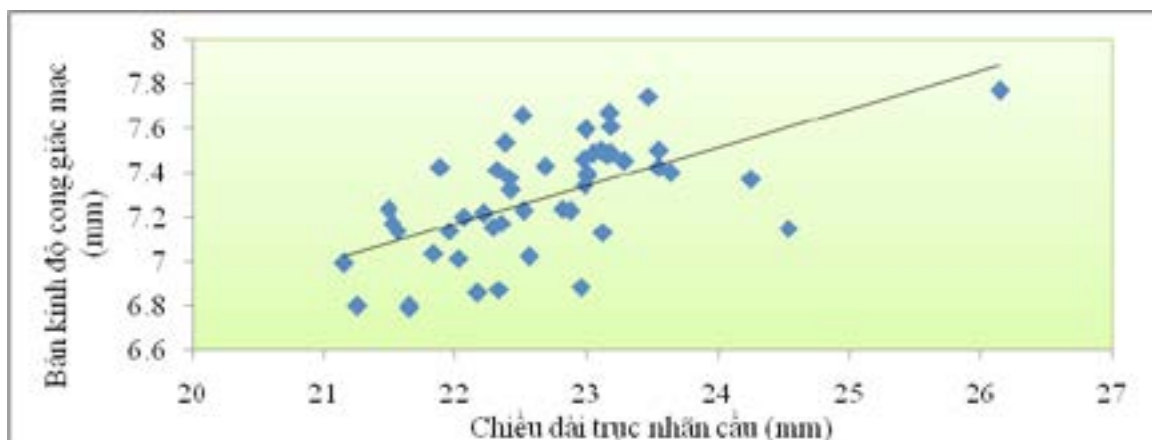
3.4.3. Tương quan giữa độ loạn sau phẫu thuật 3 tháng và độ cứng nhãn



Biểu đồ 3.3. Tương quan giữa độ loạn sau phẫu thuật 3 tháng và độ cứng nhãn

Với $n = 49$; $r = 0,350$; $p < 0,05$. Phương trình tương quan tuyến tính hồi quy: $y = 0,022 + 0,304x$. Độ loạn thị sau phẫu thuật 3 tháng có tương quan thuận chiều với độ cứng nhãn.

3.4.4. Tương quan giữa BKĐCGM và CDTNC trước phẫu thuật



Biểu đồ 3.4. Tương quan giữa BKĐCGM và CDTNC trước phẫu thuật

Với $n = 49$; $r = 0,596$; $p < 0,05$. Phương trình tương quan tuyến tính hồi quy: $y = 0,171x + 3,39$. Trước phẫu thuật, bán kính độ cong giác mạc có tương quan thuận chiều với chiều dài trục nhãn cầu.